

Bản án số: 67/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 06/12/2017

V/v tranh chấp “Xin ly hôn có yếu tố nước ngoài”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn;

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Đỗ Xuân Vinh;

- Ông Đoàn Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Viên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2016/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2016, về tranh chấp xin ly hôn có yếu tố nước ngoài, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 73/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Võ Thị L**, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh **Vũ Đức M (VU MINH D)**, sinh năm 1964 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 21 De Union City 945 USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 07/6/2016 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn chị Võ Thị L trình bày: Chị và Vũ Đức M qua quá trình tìm hiểu nhau được 08 tháng thì anh chị tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới tại PQ, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/11/2013.

Sau khi cưới chị và anh Vũ Đức M về Sài Gòn sống chung với mẹ chồng tại địa chỉ L, quận T, thành phố Hồ Chí Minh được 04 tháng thì anh M về Mỹ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M có tính tình thất thường, ghen tuông, độc đoán và do vợ chồng chung sống với nhau thời gian ngắn nên tính tình chưa hiểu nhau nhiều, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đôi khi không giải quyết được. Sau khi anh M về Mỹ thì tháng đầu còn liên lạc với chị nhưng dần dần thì không liên lạc nữa, nhiều

lần chị có gọi điện thoại nhưng không nhận được sự phản hồi của anh M và từ năm 2013 đến nay anh M không về Việt Nam thăm chị. Nay do vợ chồng mỗi người ở một nơi xa cách và mâu thuẫn không giải quyết được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Vũ Đức M (VU MINH D).

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Vũ Đức M (Vũ Minh D):** Đã được Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp cho Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hoa Kỳ tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và lấy lời khai của anh Vũ Đức M (Vu Minh D) theo đúng quy định của Thông tư liên tịch số 15/2011/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 15/9/2011 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao về việc “Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự của Luật tương trợ tư pháp”. Và đã được Tổng lãnh sự quán của Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ xác nhận đã gửi thông báo cho anh Vũ Đức M (Vu Minh D) và niêm yết tại trụ sở Tổng lãnh sự quán. Tuy nhiên, hết thời hạn niêm yết nhưng Vũ Đức M (Vu Minh D) vẫn không hồi âm và cũng không đến Tổng lãnh sự quán để nhận hồ sơ tổng đạt.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay chị Võ Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với Vũ Đức M (Vu Minh D).

Phía đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng và thực hiện việc ủy thác tư pháp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị L, về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung thì chị L và anh M không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi nghiên cứu vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, bị đơn anh Vũ Đức M (Vu Minh D) đã được Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp cho Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hoa Kỳ tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và lấy lời khai theo đúng quy định về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, đã được Tổng lãnh sự quán của Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ xác nhận đã gửi thông báo cho anh Vũ Đức M (Vu Minh D) và niêm yết tại trụ sở Tổng lãnh sự quán, kèm theo biên bản xác nhận kết quả tổng đạt hồ sơ ủy thác tư pháp của

Tổng lãnh sự quán. Tuy nhiên, hết thời hạn niêm yết nhưng anh Vũ Đức M (Vu Minh D) vẫn không hồi âm và cũng không đến Tổng lãnh sự quán để nhận hồ sơ tổng đạt. Do đó, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 15 và Điều 17 Thông tư liên tịch số 15/2011/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 15/9/2011 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao về việc “Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự của Luật tương trợ tư pháp”, điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành giải quyết vụ việc theo thủ tục chung là xét xử vắng mặt anh Vũ Đức M (Vu Minh D).

[2] Về thẩm quyền: Đây là vụ kiện tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự cư trú ở nước ngoài, căn cứ theo Điều 28, khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ kiện tranh chấp xin ly hôn có yếu tố nước ngoài giữa chị Võ Thị L với anh Vũ Đức M (Vu Minh D).

[4] Xét về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Võ Thị L và anh Vũ Đức M (Vũ Minh D) đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, đã đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/11/2013. Do vậy, căn cứ Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân giữa anh, chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, chị L và anh M quen nhau được một thời gian thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, anh chị chung sống với nhau tại Việt Nam chỉ một thời gian ngắn nên tính tình chưa hiểu nhau, dẫn đến bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mặt khác, anh M đang sống ở Hoa Kỳ nên anh chị không có điều kiện quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Từ năm 2013 đến nay anh M không về Việt Nam thăm chị và anh chị cũng còn không liên lạc với nhau. Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh Vũ Đức M (Vũ Minh D).

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh M không có khả năng đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục xây dựng gia đình hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang và chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[5] Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định trong quá trình chung sống chị và anh M không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, phía ông Kh cũng không có ý kiến về phần này, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Võ Thị L phải chịu là 200.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điều 28, khoản 1 điều 37, điểm d khoản 1 điều 469, khoản 3 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 8, Điều 9 và khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 48 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm. thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điểm b khoản 1 Điều 15 và Điều 17 Thông tư liên tịch số 15/2011/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 15/9/2011 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao về việc “Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự của Luật tương trợ tư pháp”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị L được ly hôn với anh Vũ Đức M (Vũ Minh D).

2. Về quan hệ con chung: Chị Võ Thị L không yêu cầu và anh Vũ Đức M (Vũ Minh D) không có ý kiến nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị L không yêu cầu và anh Vũ Đức M (Vũ Minh D) không có ý kiến nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Võ Thị L phải nộp 200.000 đồng, được khấu trừ 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị L đã nộp theo lai thu số 0004949 ngày 05/6/2016 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang. Chị L đã nộp đủ tiền án phí nên không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Võ Thị L có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

Riêng anh Vũ Đức M (Vũ Minh D) có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng (một tháng) kể từ ngày bản án này được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- CTHA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Lâm Sơn